

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 6 - 2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thúy Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nhân;
2. Bà Huỳnh Thị Lài.

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Trí T, sinh năm: 1988.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Anh Đ, sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. (các đương sự có mặt).

3. *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:* cháu Trương Vạn T (nam), sinh ngày 22/4/2015.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2021 và quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trương Trí T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Anh Đ tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Trương Vạn T (nam), sinh ngày 22/4/2015. Nhưng đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống và do chị Đ có tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh T, chị Đ có báo cho gia đình hai bên nhưng cha mẹ hai bên không có ý kiến gì. Chị Đ và anh T đã ly thân khoảng 01 năm, nay tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn nên anh yêu cầu được ly hôn. Về con chung: anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/4/2021 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn – chị Trần Thị Anh Đ trình bày:

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn anh T về quan hệ hôn nhân, về con chung, thời gian ly thân, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng là do vợ chồng bắt đầu có những mâu thuẫn với nhau từ năm 2014 nhưng giữa hai vợ

chồng không có hướng giải quyết, dẫn đến việc tình cảm vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu được giành quyền trực tiếp nuôi con chung. Anh T cho rằng anh cũng là người trực tiếp chăm sóc con từ nhỏ, hơn nữa anh có điều kiện để đảm bảo cuộc sống cho bé, vì hiện tại anh đã tốt nghiệp cử nhân xét nghiệm nhưng do chưa nhận bằng do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19, nhưng sau khi nhận bằng anh sẽ cho thuê và mỗi tháng tiền cho thuê bằng cấp từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng; và anh sẽ mở cửa hàng gạch để kinh doanh mua bán thì tiền kinh doanh mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Hiện tại anh vẫn còn đứng tên trong giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng do anh và chị Đ thống nhất ly hôn nên anh và chị Đ thỏa thuận giao cửa hàng kinh doanh lại cho chị Đ và chị Đ sẽ hoàn lại anh 100.000.000 đồng. Anh T đồng ý giao căn nhà hiện anh và chị Đ đang sinh sống lại cho chị Đ ở và kinh doanh. Sau đó, anh về nhà cha ruột của anh ở và chăm sóc, lo cho con ăn học.

Bị đơn chị Đ đồng ý ly hôn và thống nhất về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu. Về con chung, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị Đ cho rằng việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dạy con là do chị đã chăm bé từ nhỏ, anh T chỉ chăm sóc bé mấy tháng nay, nên việc chị chăm con vẫn tốt hơn anh T do bé còn nhỏ (hơn 5 tuổi). Hơn nữa, hiện tại xét về điều kiện kinh tế thì chị có điều kiện hơn anh T. Do thu nhập hàng tháng của chị đã ổn định từ trước đến nay, vì chị kinh doanh mua bán gạch tại nhà, cửa hàng kinh doanh bán gạch là do trước đây 02 vợ chồng cùng kinh doanh chung, nhưng khi vợ chồng ly hôn thì chị và anh T cũng thống nhất giao cửa hàng này lại cho chị tiếp tục kinh doanh (chị hoàn lại anh T 100.000.000 đồng) và ở lại căn nhà mà từ trước đến nay vợ chồng sinh sống. Như vậy, thu nhập hàng tháng của chị từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và chỗ ở ổn định.

Luật sư Mai Công N trình bày quan điểm tranh luận bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Mong các đương sự có sự thỏa thuận, xem xét về việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng để tránh làm tổn thương đứa bé. Việc chăm sóc đứa bé thì người phụ nữ chăm sóc tốt hơn người đàn ông nhưng người đàn ông thường có thu nhập kinh doanh tốt hơn. Tuy nhiên, HĐXX căn cứ vào tư cách, đạo đức và thu nhập của các đương sự để có phán quyết. Đồng thời, luật sư giải thích về quyền và nghĩa vụ của các đương sự nếu không được trực tiếp nuôi con.

Luật sư Đặng Trọng T trình bày quan điểm tranh luận bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Xét lời trình bày và thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa thì việc thu nhập của chị Đ vẫn ổn định hơn anh T. Bởi vì, theo như anh T trình bày thì sau khi nhận bằng tốt nghiệp cử nhân xét nghiệm thì anh T mới cho thuê (mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng) và sắp tới sẽ mở cửa hàng mua bán gạch. Tuy nhiên, đây chỉ là dự định trong tương lai còn hiện tại thu nhập của anh T chưa ổn định. Hơn nữa, sau khi ly hôn thì nguyên đơn anh T thống nhất giao cửa hàng mua bán gạch và căn nhà của hai vợ chồng đang sinh sống lại cho chị Đ tiếp tục sống và kinh doanh. Như vậy, nếu giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ thuận lợi cho đứa bé, bởi lẽ từ nhỏ cho đến nay bé T được sinh sống tại ngôi nhà nên sẽ không làm xáo trộn và ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày của một đứa bé.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn

cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh T và chị Đ tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và anh T có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. Xét quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 10/2021 ngày 05/01/2021 của UBND phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, nên xác định hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân khoảng 01 năm cho đến nay. Thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do chị Đ có tình cảm với người đàn ông khác (không có chứng cứ chứng minh) nên vợ chồng thường cự cãi. Chị Đ thì không thừa nhận có tình cảm với người đàn ông khác mà nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ năm 2014 cho đến nay, từ đó tình cảm vợ chồng không còn. Nên nay chị cũng đồng ý ly hôn.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Đ là có thật và cả hai thống nhất ly hôn nên Hội đồng ghi nhận việc anh T và chị Đ thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh T và chị Đ thống nhất thời gian chung sống có 01 con chung tên Trương Vạn T (nam), sinh ngày 22/4/2015. Điều này phù hợp với giấy khai sinh của cháu Thịnh nên có cơ sở xác định cháu Thịnh là con chung của anh T và chị Đ.

Xét về yêu cầu người trực tiếp nuôi con: Nguyên đơn anh T và bị đơn chị Đ đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung (cháu Thịnh). Không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử, nhận thấy: Theo như lời khai cũng như thừa nhận của các đương sự thì hiện tại chị Đ đang kinh doanh mua bán gạch tại nhà, thời gian công việc cố định, mức thu nhập cơ bản từ khoảng 20.000.000 đồng/tháng đến 30.000.000 đồng/tháng và trước đó giữa các đương sự cũng thống nhất với nhau là anh T giao cửa hàng mua bán gạch cũng như ngôi nhà vợ chồng ở từ trước đến nay lại cho chị Đ tiếp tục ở và mua bán, kinh doanh. Tại phiên tòa anh T, chị Đ thừa nhận sự việc trên là đúng sự thật nên đây là trường hợp không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS;

Riêng về nguyên đơn anh T thừa nhận anh đã thi tốt nghiệp cử nhân xét nghiệm và theo như trình bày của anh thì sau khi nhận bằng cấp (hiện tại chưa nhận bởi vì do ảnh hưởng dịch bệnh Covid – 19) anh sẽ cho thuê mỗi tháng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và việc kinh doanh mua bán gạch anh cũng có hướng để tiếp tục công việc mua bán.

Căn cứ vào lời trình bày cũng như thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa, anh T và chị Đ đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Nhưng xét về điều kiện vật chất và mức thu nhập ổn định, thì bị đơn chị Đ có điều kiện tốt hơn anh T. Hơn nữa, xét về chỗ ở và đặc thù công việc của nguyên đơn và bị đơn, thì chị Đ có điều kiện đảm bảo hơn anh T, vì hiện tại chị Đ ở tại ngôi nhà mà từ trước đến nay vợ chồng sinh sống cũng là nơi bé T sinh sống từ nhỏ cho đến nay. Như vậy, sẽ không làm xáo trộn cuộc sống hằng ngày của bé. Xét về trình bày và thừa nhận của các đương sự thì công việc cũng như thu nhập của nguyên đơn anh T chỉ ở tương lai. Hơn nữa hiện cháu Thịnh còn nhỏ (hơn 5 tuổi) nên cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nhiều hơn.

Từ những phân tích trên, cũng như xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Thịnh nên việc giao cháu Trương Vạn T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: là 300.000 đồng, nguyên đơn anh T phải chịu.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, 81, 82 và 84 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Trí T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn với bị đơn chị Trần Thị Anh Đ.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Trương Trí T và chị Trần Thị Anh Đ thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao cháu Trương Vạn T (nam), sinh ngày 22/4/2015 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về Cấp dưỡng không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T, không ai được quyền cản trở khi thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) anh T phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005092 ngày 15/3/2021, nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- UBND P. Trà Nóc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thúy Nguyên

